

Hoạt động chấn hưng thực nghiệp trong phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX

Ngô Văn Minh

Học viện Chính trị khu vực III.

Email liên hệ: ngovanminhhvkv3@gmail.com

Tóm tắt: Tư tưởng duy tân của các sỹ phu Quảng Nam đầu thế kỷ XX được Phan Châu Trinh gói gọn trong 3 chữ Dân: “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Trong đó, hậu dân sinh tuy đặt sau nhưng có ý nghĩa rất thiết thực nhằm thoát cảnh “dân nghèo nước khó”. Tư tưởng này được triển khai trong thực tế, có tác dụng to lớn không chỉ ở những hoạt động chấn hưng thực nghiệp bình thường mà còn là sự cổ vũ cho tinh thần khởi nghiệp, vì mục đích tự chủ, tự cường của cả dân tộc. Ảnh hưởng của nó không chỉ bó hẹp ở Quảng Nam mà còn lan tỏa đến nhiều địa phương khác của nước ta bấy giờ.

Từ khóa: *Phong trào Duy tân/ Hậu dân sinh/ Chấn hưng thực nghiệp/ Phan Châu Trinh.*

Abstract: The renovation thought of Quang Nam’s scholars in the early twentieth century was encapsulated by Phan Chau Trinh in a slogan with 3 phrases focusing on the people: “Broaden the people’s mind, invigorate the people’s spirit, and enrich the people’s well-being”. In particular, although the “enrich the people’s well-being” is placed at the end of the slogan, it exudes a practical meaning to escape the situation of “difficult country with poor people”. This thought, implemented in practice, has a great effect not only in normal activities of revitalizing career but also encourages the entrepreneurial spirit, for the purpose of the people’s autonomy and self-reliance. Its influence was not only limited in Quang Nam but also spread to many other localities in Vietnam at that time.

Keywords: Duy Tan movement; Enriching the people’s well-being; Career revival; Phan Chau Trinh.

Ngày gửi bài: 15/12/2019

Ngày duyệt đăng 15/02/2020

1. Đặt vấn đề

Chủ thuyết duy tân của các sỹ phu Quảng Nam đầu thế kỷ XX được Phan Châu Trinh gói gọn trong 3 chữ Dân: “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Trong đó, hậu dân sinh tuy đặt sau nhưng có ý nghĩa rất thiết thực. Tư tưởng này triển khai trong thực tế đã tạo được một phong trào chấn hưng thực nghiệp khá sôi nổi ở nhiều làng xã duy tân của tỉnh Quảng Nam lúc bấy giờ.

Nghiên cứu về nội dung hậu dân sinh trong tư tưởng duy tân của các sỹ phu Quảng Nam, nhà Quảng Nam học Nguyễn Văn Xuân đã có nhận định khá xác đáng. Ông cho rằng

khai dân trí, chấn dân khí và hậu dân sinh “cả ba đều tự lập trong liên lập, đều bổ sung cho nhau, hòa vào nhau để tập đại thành. Do đó, hậu dân sinh có những phương pháp riêng để tiến hành mà nếu nó không thành thì các chủ trương kia cũng biến thành hư ảo, chỉ là thứ từ chương mới, có hại nhiều hơn là có lợi cho việc cứu nước, dựng nước” (Nguyễn Văn Xuân, 2010). Trong tác phẩm *Phong trào Duy Tân* ông đã có những khảo sát về một số hoạt động chấn hưng thực nghiệp ở phía bắc tỉnh Quảng Nam, nổi bật nhất là với trường hợp Quảng Nam hiệp thương công ty ở Hội An và Hội thương Diên Phong lập tại làng Phong Thử, huyện Điện Bàn. Trong khi đó, với các huyện phía Nam của Quảng Nam, phải chờ đến tập bản thảo đánh máy năm 1980 *Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân huyện Tiên Phước* của ông Trần Ngọc Chương, các hoạt động chấn hưng thực nghiệp ở một số làng xã nay thuộc huyện Tiên Phước mới được sáng rõ. Từ những năm 1980 trở đi, các huyện của tỉnh Quảng Nam lần lượt xuất bản sách lịch sử phong trào đấu tranh cách mạng, trong đó có điểm qua các hoạt động thời phong trào Duy Tân tại địa phương mình. Bà Phan Thị Minh (tức Lê Thị Kinh), cháu ngoại cụ Phan Châu Trinh sưu tầm được từ Trung tâm lưu trữ hải ngoại Pháp, hình thành nên hai tập sách *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới* đã cung cấp cho giới nghiên cứu nhiều tài liệu để cập trực tiếp đến hoạt động của Phan Châu Trinh và phong trào duy tân, trong đó có những hoạt động chấn hưng thực nghiệp tại Quảng Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu những tác phẩm của các sỹ phu duy tân Quảng Nam còn lưu lại và dựa vào kết quả khảo cứu của những nhà nghiên cứu đi trước đã công bố rộng rãi, cùng với những tài liệu vừa mới sưu tầm được và phỏng vấn các vị cao niên ở một số địa phương, tác giả bài viết muốn góp thêm một vài nhìn nhận về tư tưởng hậu dân sinh của các sỹ phu duy tân và hệ thống lại các hoạt động chấn hưng thực nghiệp trên phạm vi cả tỉnh Quảng Nam những năm đầu thế kỷ XX¹.

2. Hậu dân sinh trong tư tưởng duy tân của các sỹ phu Quảng Nam

Hậu dân sinh là một trong 3 nội dung, cũng là 3 mục tiêu cơ bản nhất mà các sỹ phu Quảng Nam (Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Cơ, Phan Thúc Duyện,...) đặt ra cho công cuộc vận động duy tân của mình. Hậu ở đây với nghĩa là bồi cho dày lên, tức là làm cho đời sống của dân ngày càng no đủ và phát triển kinh tế đất nước bằng những biện pháp và tổ chức theo hướng tự lực tự cường (Huỳnh Lý, 1992). Hậu dân sinh được xem là mục tiêu tiếp theo, tất yếu của khai dân trí và chấn dân khí. Bởi nếu không có hậu dân sinh thì sự khai - chấn đó không có ý nghĩa thiết thực, và như vậy chủ thuyết duy tân sẽ thiếu tính triệt để.

Có hậu dân sinh mới thoát cảnh “dân nghèo nước khó”. Nền kinh tế nước ta qua hàng ngàn năm vốn đã là kinh tế tiểu nông. Sự giàu có ở chốn hương quê được thể hiện chủ yếu bằng thóc lúa. Các nghề thủ công không đóng góp mấy, ngoài những làng nghề truyền thống ra thì chỉ là nghề phụ của người nông dân ở thôn quê. Nghề buôn của người Việt thì nặng về tâm lý tiểu thương, thiếu tinh thần hợp tác và không có tầm kinh doanh

lớn nên không thể sánh với thương nhân Trung Quốc, càng không thể sánh với nền hải thương của các nước phương Tây. Ở làng xã càng ít buôn bán, mà nếu có thì chủ yếu do phụ nữ đảm lấy. Nói chung, nghề buôn ở Việt Nam qua cả ngàn năm vẫn không tạo ra được một tầng lớp thương nhân có tinh thần hợp tác, hợp quần vì một nền sản xuất lớn phú cường chung cho đất nước. Trong suốt hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến, vương triều nào dù có tiếng là thân dân thì cũng chủ yếu thực hiện chính sách trọng nông nhằm cho người dân đủ ăn đủ mặc. Vua Minh Mệnh nhiều lần nói về chính sách này. Nhà vua xuống dụ cho bộ Hộ: “Việc nông tang vốn từ xưa các bậc đế vương đều trọng”, và “Việc dân sinh không có gì cần trước hơn việc cấy gặt. Trăm đối với việc khuyến nông, từ trước đến nay, thường nói đi nhắc lại nhiều lần, thật muốn dân ta chuyên cần làm ruộng, để mọi người cùng được cung cấp đầy đủ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994). Đến khi đặt được ách đô hộ lên đất nước ta, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp không chỉ đẩy nhanh quá trình bản cùng hóa của nông dân ở nông thôn mà còn “hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được”, cũng chính vì vậy mà “tư bản bản xứ không có thể lực gì” (Hồ Chí Minh, 2011). Triều đình phong kiến bấy giờ thì bạc nhược, không lo sinh kế cho người dân. Trong *Thư đưa Chính phủ Đông Dương* năm 1906, Phan Châu Trinh viết: “Trong khoảng vài mươi năm nay, các bậc đại thần ăn đằm nằm đĩa ở chốn triều đình, chỉ biết chiếu lệ cho xong việc; quan lại ở các tỉnh thì chỉ lo cho vững thân thể mà hà hiếp bóp nặn ở chốn hương thôn, đám sĩ phu thì ganh đua nhau vào con đường luồn cúi hót nịnh, không biết liêm sỉ là gì; bọn cùng dân bị nặn bóp mãi mà máu mủ một ngày một khô, không còn đường sinh kế nữa”². Đến khi bị kết tội xúi giục dân chống thuế, trước tòa án Nam triều ông cũng lớn tiếng phê phán: “Các ngài ngồi trên đầu dân, lại ăn lộc nước, mỗi năm mỗi tháng, hoặc năm trăm đồng, hoặc hai ba trăm, dưới nữa cũng một trăm, tám chín chục, bổng ấy không phải máu mủ của dân sao? Thế mà cứ ngồi yên ăn lị, không lo vì dân mở đường sinh kế, toan việc công lợi để cho cùng vô sở xuất, không biết lấy chi nộp thuế, đến rú nhau làm hạ sách đi yêu cầu như thế, ấy là tội tại các ngài; các ngài không biết tội thì chớ, lại đổ cho người khác sao?” (Minh viên Huỳnh Thúc Kháng, 1959).

Chính từ thực tế trên nên các nhà duy tân Quảng Nam chủ trương cùng với khai dân trí, chấn dân khí còn phải hậu dân sinh. Để cổ động cho hậu dân sinh, trước tiên các ông đẩy mạnh tuyên truyền phê phán tâm lý tiểu nông, tiểu thương đê nặng hàng ngàn năm của người dân Việt Nam. Trong *Tinh quốc hồn ca* viết năm 1907, Phan Châu Trinh phê phán người mình chỉ có tư duy kinh tế nhỏ, manh mún, tâm lý “ruột cua gan sứa” chỉ lo cho đủ bữa qua ngày. Người nông dân chỉ loanh quanh với “doi vườn, cạnh đất, góc ao”; kẻ giàu có tuy có tiền mà không biết làm cho sinh lợi bằng sản xuất kinh doanh, không biết cùng nhau hùn vốn trên tinh thần “hợp quần” lập công ty để mở mang công thương nghiệp; chỉ là giàu có từ cho vay nặng lãi, bóc lột chính đồng bào mình trong những lúc họ rơi vào cảnh ngặt nghèo chứ không dám đua gan đấu trí với các nhà buôn nước ngoài để xây dựng một nền kinh tế tự chủ, tự cường cho đất nước. Với những kẻ “học sĩ văn nhân” thì “vụng về trăm thức”, chẳng có nghề nghiệp nhưng cứ tự khoe rằng “sĩ nhất tứ dân”.

Các ông kêu gọi phải chấn hưng thực nghiệp, mà trước hết là mỗi người phải có và phải giỏi một nghề:

*"Mau mau đi học lấy nghề,
Học rồi ta sẽ đem về dạy nhau"³*

Về sau, trong bài viết *Quốc dân cần phải có những gì*, Huỳnh Thúc Kháng nói rõ hơn: "Mỗi người phải có mỗi nghề nghiệp riêng, trước là để nuôi lấy thân mình, sau là cho trọn nghĩa vụ đối với xã hội... Nước ta thuở nay, bị một đôi câu mậu thuyết của túc nho làm cho sai lạc (như câu: dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên) cho anh sĩ là quý, còn nông, công, thương đều là nghề mạt. Mà gọi là anh sĩ đó, có phải là học được như thiên hạ đâu, chỉ học một cái nghề thi đỗ làm quan mà thôi, tập quán đã lâu, thấm vào trong tư tưởng người mình, hư văn càng ngày càng cao mà thực nghiệp càng ngày càng thấp, không những không ai cố lệ mà thỉnh thoảng có một đôi người lo đường thực nghiệp, lại bị trong xã hội khinh bỉ, thì ra suốt cả người trong nước mà làm dân vô nghiệp! Người đã vô nghiệp thì còn nói đến việc gì?". Một khi "Ai cũng có nghề thì thành dân có nghiệp, dân đã có nghiệp thì nền kinh tế tự nhiên phát đạt, trăm công nghìn việc, cũng gốc từ nơi ấy mà ra". Tuy nhiên, ông cũng nói rõ là mỗi người cần phải chuyên phải giỏi một nghề chứ không phải như trong dân gian nghề gì cũng làm nhưng chẳng chuyên nghề nào: "Nói đến trong dân gian thì nghề gì cũng làm mà nghề gì cũng không có, cày ruộng, lập vườn, trồng dâu, làm thuốc, trong một nhà mà gồm đủ các nghề, nay thầy mai thợ, sớm chợ chiều nguồn, thân một người mà kiêm cả trăm việc, xưa bày nay làm, vui đâu chúc đó, quanh năm chẵn tháng, lẩn thẩn thấy già! Ôi, nghề mà không chuyên thì sao thành nghề? Đã không thành nghề tức là thất nghiệp!" (Báo Tiếng Dân, 1927).

Theo các nhà duy tân thì nước ta không phải không có tiềm năng để làm giàu, chẳng qua là người nước ta không có chí làm giàu, nhất là do người nước ta không biết hợp quần nhau lại, người góp vốn, kẻ góp công để bung ra sản xuất kinh doanh nên dân ta nghèo, nước ta nghèo. Viết bài tựa cho *Hợp quần doanh sinh thuyết* của Nguyễn Thượng Hiền, Phan Châu Trinh nhận xét chua xót rằng người nước ta bấy giờ, trong làm ăn kinh tế "không có cái đoàn thể bền chặt nào là đông quá ba người, không có một hội xã, lợi ích nào là vốn hơn trăm bạc..., nói đến chuyện lập hội buôn, mở trường học, dựng xưởng thợ, khẩn đồn điền thì thu tay đứng nhìn, một cái lòng không muốn mất; lợi bằng cái tóc thì suy bì, vạ bằng cái núi thì không nghĩ"⁴. Từ đó, các ông cổ động chung vốn lập nông hội trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao; lập xưởng dệt sản xuất hàng nội hóa; mở lò rèn, lò gạch ngói, xưởng mộc; lập thương hội mở rộng thị trường buôn bán, lập ngân hàng giúp những người "trí khôn của khó" hoặc "nghề có tay không" để họ sản xuất kinh doanh.

Tư tưởng chấn hưng thực nghiệp của các nhà duy tân Quảng Nam là "hợp quần" vì phú cường cho cả quốc gia chứ không chỉ cho mỗi cá nhân. Đây là "Dĩ nông hợp quần", "Dĩ thương hợp quần" - lấy nghề nông và nghề buôn để cùng nhau lo việc nước. Họ xem đó

là một cách thể hiện tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, bởi dân có giàu thì nước mới mạnh, dân giàu nước mạnh thì mới tự chủ, tự cường được, một khi “lợi quyền đã nắm vào tay” thì ắt sẽ “có ngày tiến hóa có ngày văn minh”⁵.

Trần Quý Cáp viết bài *Khuyến nông ca* cổ động cho chủ trương “dĩ nông hợp quần” và bài *Khuyến thương ca* kêu gọi “dĩ thương hợp quần” góp vốn kinh doanh:

*Bỏ bạc tiền ra đó buôn chung,
Người có của, kẻ có công,
Xúm nhau lại cùng đem lòng thân ái,
Hiệp bãi cát gây nên non Thái,
Góp ngàn dòng nên cái biển Đông,
Mới gọi là hào kiệt anh hùng⁶.*

3. Phong trào chấn hưng thực nghiệp sôi nổi tại các làng duy tân Quảng Nam

Tư tưởng hậu dân sinh của các nhà duy tân Quảng Nam đã được triển khai trong thực tế. Phong trào chấn hưng thực nghiệp phát triển mạnh ở các phủ huyện của tỉnh. Trước hết về nông nghiệp có phong trào lập nông đoàn hay nông hội trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao và hợp xã làm ruộng. Một mô hình của phong trào này đã được tổ chức khá thành công tại làng Phú Lâm (nay thuộc xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước) do lý trưởng Lê Cơ đứng ra triển khai thực hiện. Tại đây Lê Cơ hiến một phần diện tích vườn của mình và vận động một số người khác cùng hiến, lại tổ chức cho người dân vỡ thêm đất hoang nhàn hình thành những mảnh vườn rộng lớn gọi là nông đoàn trồng quế, tiêu, chè, xen kẽ cây ăn quả như thơm, chuối. Hợp xã là những đám ruộng công và những đám ruộng của một số nhà giàu tự nguyện hiến, có làm văn khế chuyển quyền hẳn hoi để dân nghèo đến cày cấy chung. Phương tiện và nông cụ sản xuất thì tất cả trâu cày cùng với nông cụ sẵn có của tư nhân được huy động và tính công theo từng loại. Hợp xã còn xuất tiền, phái người đến các làng khác mua thêm trâu cày, vài năm sau đàn trâu của xã đã lên tới 150 con. Tính đến đầu năm 1908, nhân dân Phú Lâm đã lập ra 6 nông đoàn và 5 hợp xã. Hoa lợi thu hoạch được đem chia 2/3 cho nông dân tính theo công người, công trâu, những người tàn tật, già yếu, 1/3 còn lại bán lấy tiền nộp thuế, ủng hộ xuất dương và chi vào việc nuôi cơm các thầy dạy học, mua giấy mực cấp cho học sinh nghèo, đón tiếp người các nơi đến Phú Lâm⁷. Sau Phú Lâm, việc lập nông đoàn, hợp xã được triển khai thực hiện ở nhiều làng xã duy tân khác thuộc phủ Tam Kỳ, như ở Cẩm Y (nay thuộc xã Tiên Cẩm, huyện Tiên Phước) từ cuối năm 1905 đến cuối năm 1907 đã lập được 6 nông đoàn, thu hút được 230 trong tổng số 270 hộ hợp tác làm ăn. Ở tổng Phước Lợi có đến 68 nông đoàn (Dẫn theo Trần Ngọc Chương, 1980). Tại Thạnh Bình (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước) cũng có nông đoàn trồng quế do Huỳnh Thúc Kháng vận động thành lập (Huỳnh Thúc Kháng, 1963).

Ở Duy Xuyên, một số nhà nho duy tân lập hội khuyến nông, tổ chức khai phá tại Mỹ Sơn hình thành Nông hội có diện tích đến 50 mẫu để trồng hoa màu (Ban chấp hành Đảng bộ huyện Duy Xuyên, 1996). Ở Đại Lộc, ông Nguyễn Phiệt (Tư Phiệt), người làng Phú Phước cùng với các ông Thủ Bích, Ủy Thợ khai đất hoang ở Hồ Chình (nay thuộc xã Đại Chánh) để trồng mía và cấy lúa. (Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Đại Lộc, 1990).

Ở Quế Sơn một số người đứng ra lập nông hội, đắp đập, chuyển ruộng khô thành ruộng có nước (Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện Quế Sơn, 1999). Tại nguồn Dúi Chiêng của huyện này (nay thuộc huyện Nông Sơn) có sở rẫy Cờ Vỹ do Trần Quý Cáp cùng một số người lên lập⁸. Tuy nơi đây đất màu mỡ nhưng do là vùng núi, nước đục, lại quá xa khiến việc đi lại khó khăn nên chỉ được một thời gian ngắn Trần Quý Cáp phải quay về vùng đồng bằng Hòa Vang vận động lập nông hội Yển Nê rộng chừng 20 mẫu ruộng. Cũng ở huyện Hòa Vang, ông Lâm Hữu Mẫn vận động các nhà hào phú và một số thanh niên khai hoang lập nông hội trồng hoa màu. Sách *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hòa Vang 1928 – 1954*⁹ và sách *Quảng Nam - Địa lý, lịch sử, nhân vật* (Lâm Quang Thự, 1974) đều viết nơi khai hoang là vùng Đồng Xanh - Đồng Nghệ, nhưng theo sách *Hòa Phong - Lịch sử đấu tranh cách mạng 1930 - 1954* thì ở vùng Lâm Viên, Hậu Vực (Đảng ủy xã Hòa Phong, 1996). Về thủ công nghiệp, một số nơi mở lò rèn, xưởng mộc, lò chén, có nơi dệt vải khổ rộng thay thế những khung cửi dệt tay, có nơi mở hiệu may áo quần, làm giày dép, nón mũ. Tại làng Phú Lâm, một số thanh niên được cử đi học nghề sau đó quay về mở được 4 lò rèn và 3 phường mộc tại xã. Đặc biệt, làng Phú Lâm và làng Phú Toàn ở cạnh (cũng thuộc xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước hiện nay) có đất cao lạnh nên Lê Cơ hô hào những người khá giả góp tiền của xây dựng một lò chén không chỉ sản xuất bán cho dân xã mà còn bán cho nhiều xã lân cận.

Nghề dệt ở Quảng Nam vốn có truyền thống lâu đời, để cổ động cho ngành này, Phan Châu Trinh đặt thợ cắt hủn cho một bộ Âu phục mặc đi các nơi, vừa để vận động cải cách về y phục (người đương thời gọi là mốt Tây Hồ: áo bành tô và một chiếc quần tây bằng vải nội hóa Quảng Nam nhuộm đen, thắt thêm cái cà vạt cũng bằng vải đen, đi đôi giày “dôn” mở vạt và đội cái nón “cát” trắng (Nguyễn Hiến Lê, 2002) vừa cổ động đồng bào dùng hàng nội hóa để bảo hộ cho ngành nghề của người Việt, vừa không phải mua hàng đắt tiền của người Hoa. Ông Lê Cơ cũng làm thơ vận động:

*Dù mà áo vải quần thao,
Của ta mà bỏ của nào mà may?
Dù khi đói rét long đong,
Nào khi mưa nắng ai hòng chở che?¹⁰*

Về thương nghiệp, ở Quảng Nam xuất hiện một số hội thương lớn. Tại Hội An có Quảng Nam hiệp thương công ty huy động được vốn từ nhiều người. Để có thể hoạt động

hợp pháp, không bị gây khó dễ, các nhà duy tân mời được cả viên Công sứ hùn vốn vì như thế Tổng đốc tỉnh Quảng Nam mới an tâm phê đồng ý trong đơn xin lập. Về việc này, tờ *Đại Nam (Đăng cổ tùng báo)* ở Hà Nội có đăng mẫu tin do một người Quảng Nam gửi đến, cho biết cụ thể như sau: "Kỳ tháng ba năm ngoái người trong tỉnh tôi có rủ nhau chung vốn lập hội thương ở phố Hội An buôn bán, lấy lợi mà nuôi nhau, đặt người trong tỉnh là quan thị độc Nguyễn Đình Táng làm chủ ty, Tri huyện Phan Tân làm ký thất, có xin phép quan công sứ ở tỉnh, rồi mới khai thương, người trong một tỉnh cả, những ông tấn sĩ, phó bảng, cử nhân, tú tài, hương hào, hương mục và lão nhiêu, đều có chung phần cả" (*Đại Nam Đăng cổ tùng báo*, 1907). Nhận xét về Hội thương này, ông Nguyễn Văn Xuân viết: "Vì là một công cuộc doanh thương ở thành phố lớn (thời ấy Hội An còn rất phồn thịnh) nên cách tổ chức có phép tắc, hàng hóa xếp đặt, phân loại có ngăn nắp. Nhiều hàng hóa đã bắt chước theo lối trình bày mới như nước mắm Nam Ô đã biết vô chai, dán nhãn. Trên các món hàng hóa đều có thẻ tre, biên giá nhất định. Nhân viên tiếp khách lịch sự, mỗi người biết dùng sổ tay bỏ túi để ghi chép hàng xuất, nhập. Hàng nhập được đưa vào các kho A, B, C khác nhau. Nhân viên kiểm soát ghi nhận cẩn thận. Có thể đây là một thương cuộc có quy củ bậc nhất của ta thời ấy. Sau này không chỉ bán hàng hóa, thương cuộc còn bán tân thư, bản đồ, sách vở, bút mực... thương cuộc hóa thành chỗ tụ hội các sĩ phu hâm mộ duy tân" (Nguyễn Văn Xuân, 1995). Thương cuộc này mới làm ăn phát đạt được một năm thì bị Công sứ Pháp làm khó dễ, do y nhận thấy có dấu hiệu đây là nơi hoạt động của phái Duy tân.

Sau Hợp thương của cả tỉnh lập tại Hội An phải kể đến Hợp thương Diên Phong lập tại làng Phong Thử (nay thuộc xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn) do cử nhân Phan Thúc Duyệt chủ trương. Cũng theo khảo cứu của ông Nguyễn Văn Xuân, Hợp thương này được xây dựng khá bề thế, có một nhà lầu (có phòng tiếp khách, chỗ làm việc, chỗ chứa hàng hóa), một nhà ngang dài và hai nhà nhỏ nấu cơm, ăn cơm và ngủ. Hàng hóa gồm có các sản vật của vùng đồng bằng Điện Bàn, Duy Xuyên như vải sợi, đường, dầu phụng, đậu,... được thu mua đưa về rồi được các ghe bầu chở xuống cho Hợp thương ở Hội An bán, ngầm tranh thương với người Trung Hoa, cả dùng ghe bầu vượt biển đi buôn bán với các tỉnh khác. Số nhân viên của Hợp thương này lên đến 40 người (Nguyễn Văn Xuân, 1995).

Tại các làng duy tân khác cũng có những hiệu buôn nhưng quy mô nhỏ hơn. Một số cửa hiệu may quần áo ngắn, buôn bán giày dép, mũ nón... mọc lên ở Đông Phú, Tân An, Quế Trạch... của huyện Quế Sơn (Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Quế Sơn, 1985). Một số tiệm bán hàng nội hóa cũng mọc lên ở các làng Hà Tân, Hà Nha, Ái Nghĩa của huyện Đại Lộc (Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Đại Lộc, 1990). Làng Phú Lâm có hình thức buôn bán với tên gọi Thương hội bình dân. Thương hội này chính thức khai trương vào tháng 5/1905, có lẽ là trước tiên so với các hội thương khác của phong trào Duy tân tại Quảng Nam. Tuy trong đơn Lê Cơ chỉ nói đến xin mở một tiệm buôn tạp hóa để dễ xin phép, và vì có ý thân oan cho ông nên trong bài viết trên báo Tiếng Dân Huỳnh Thúc Kháng nói rằng ông chỉ "lập cái cuộc buôn con con, mua giấy bút bán cho học trò,

cùng mắm muối bán cho dân cày, như một cái quán trong nhà quê” (Báo Tiếng Dân, 1932). Song thực ra, đây là một dự định buôn bán lớn của Lê Cơ. Thương hội có ban trị sự và một số người chuyên đem hàng đặc sản như quế, tiêu, chè xuống Chợ Vạn (Tam Kỳ), cả ra phố Hội An, rồi mua những mặt hàng nhu yếu như mắm muối, dầu, vải... đem về bán cho dân xã. Từ cơ sở ban đầu, thương hội mở thêm các ty buôn bán ở các phái (làng Phú Lâm có 5 phái: phái Trung, phái Đông, phái Nam, phái Tây, phái Bắc) để dân tiện đến mua bán, vì địa hình của làng cách trở¹¹. Ngoài lập thương hội bình dân ở Phú Lâm, Lê Cơ còn chung vốn kinh doanh tại chợ Vinh Huy (nay thuộc xã Bình Trị, huyện Thăng Bình). Ở Tân An Tây (nay thuộc xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước), Trần Huỳnh nhân danh lý trưởng, cùng với các nhà nho duy tân vận động nhân dân lập một khu chợ bằng gỗ lợp tranh gồm 11 gian, chiều ngang khoảng 8 mét, dài khoảng 55 mét, cao 5 mét. Chợ này dân gian thường gọi là chợ Cây Cốc, là gian chợ lớn nhất, rộng nhất so với hầu hết các chợ ở huyện Hà Đông bấy giờ, hàng ngày có hàng trăm, hàng ngàn người từ các địa phương đến mua bán tấp nập (Trần Ngọc Chương, 1980). Chợ buôn bán phát đạt đến mức nó được các sử quan Triều Duy Tân đưa vào sách *Đại Nam nhất thống chí*, quyển viết về Quảng Nam. Ngôi chợ này tiếp tục tồn tại và phát triển suốt cả 100 năm. Đến năm 2006, Ủy ban nhân dân xã Tiên Thọ mới cho xây một ngôi chợ thay thế đặt tên là Chợ Tiên Thọ, chỉ cách địa điểm ban đầu khoảng 300m. Xã Bình An Xuân gần đó cũng có một thương hội nhỏ.

Việc lập thương hội ở Quảng Nam bấy giờ diễn ra khá rầm rộ, nhưng đến nay do thời gian trôi qua đã hơn 100 năm nên chúng ta khó mà khảo sát được đầy đủ. Chỉ qua bản báo cáo mật của chánh tổng Phước Lợi Bùi Tùy cùng phó tổng Phan Tịch và Lê Hợi gửi Tri phủ Tam Kỳ để ngày 16 tháng 3 năm Duy tân thứ hai (16/4/1908) đã cho biết ở tổng này có đến 46 tiệm buôn công cộng mà lợi tức thu hằng năm tại mỗi tiệm từ 300 đến 1.000 đồng bạc Đông Dương (Trần Ngọc Chương, 1980). Một đặc điểm của việc lập hội buôn ở Quảng Nam là nó được thành lập gắn liền với mở trường tân học. Về lâu dài thì mục đích lập nông đoàn, hợp xã, lập cơ sở sản xuất thủ công, lập hội buôn đều nhằm hậu dân sinh. Nhưng ở thời điểm trước mắt thì nhằm đóng góp cho hoạt động khai dân trí lấy hội buôn nuôi trường học, cả ủng hộ cho phái Đông du của Phan Bội Châu. Thông qua hội buôn, các sỹ phu duy tân tuyên truyền công cuộc cứu nước cho nhân dân. Trong báo cáo chính trị số 184, ngày 5/12/1907, viên đại lý Pháp tại Tam Kỳ báo cáo với cấp trên, hẳn là với viên Công sứ Quảng Nam về hội buôn như sau: “Con số người gia nhập Hội ở Quảng Nam ngày càng tăng. Trong phủ Tam Kỳ và Thăng Bình, nơi ở của các thành viên có ảnh hưởng lớn nhất của Hội, có những nơi, toàn xã cùng gia nhập. Hàng tháng, Hội họp vào những ngày nhất định mồng một và mười lăm rất đều đặn, họp ở các chợ chính. Có cuộc số người dự lên đến cả ngàn người. Các bài diễn thuyết thật ra không hề có nội dung phá hoại. Nếu họ có đả kích đòi chút chính quyền lực của quan lại thì chủ yếu họ vẫn nhấn mạnh yêu cầu học hỏi để tiến tới có thể tự mình cai quản lấy mình. Họ ca ngợi nông nghiệp và thương mại như là những phương thức để làm giàu và nhờ đó mà trở nên mạnh. Nhưng chính ở trong những cuộc hội họp đó mà những người lãnh đạo tiếp xúc với dân chúng, làm cho

dân quen nghe theo lời khuyên của họ và sau này sẽ tuân theo mệnh lệnh của họ". Càng lúc, viên đại lý này càng tỏ ra lo lắng trước sự phát triển nhanh chóng của các hội buôn ở các làng thuộc phủ Tam Kỳ, đến mức y đã phải viết trong báo cáo số 15, ngày 5/1/1908 rằng: "Các nhóm tụ tập dưới danh nghĩa hội buôn trong vùng Tam Kỳ đã phát triển nhanh đến mức nếu ta còn tiếp tục thiếu quan tâm sẽ là khinh suất không liệu trước và liều lĩnh" (Lê Thị Kinh, 2001).

Ngoài lập hội buôn buôn bán trong phạm vi của tỉnh, các nhà duy tân Quảng Nam còn chủ trương mở rộng, khuếch trương lên thành Quốc thương bằng cách lập những đoàn buôn đem sản vật của Quảng Nam vào Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết, hoặc ra Thanh Hóa, Nam Định, Hà Nội vừa bán hàng vừa làm nhiệm vụ tuyên truyền công cuộc duy tân, rồi lại mua hàng hóa của các địa phương đó đem về bán tại Quảng Nam. Ông Võ Hoán là một thành viên của Hội thương Quảng Nam kể lại với ông Nguyễn Văn Xuân vào năm 1969 rằng: "Vì là Quốc thương chớ không phải chuyện tư cho nên kiếm lời được đồng nào, chúng tôi chắt bóp quý báu đồng ấy. Chúng tôi không tiêu vào đó một xu, ăn uống xài phí gì lấy tiền nhà ra, chớ không phải đụng vào tiền của nước", và ngoài số lời của Quốc thương ông còn được các vị ở Hà Nội quyên giúp một số tiền 2.000 đồng đem về để góp phần vào các cơ sở mới tạo dựng (Nguyễn Văn Xuân, 1995).

Phong trào chấn hưng thực nghiệp ở Quảng Nam mới phát triển được vài năm đã bị thực dân Pháp nhân đàn áp phong trào xin sưu khất thuế trong tháng 3 năm 1908 thẳng tay triệt phá luôn những cơ sở nông đoàn, thương hội, lò chén, xưởng mộc của các làng duy tân. Trong bản án của Nam triều kết tội các sĩ phu Quảng Nam vào ngày 3 tháng 8 năm Duy Tân thứ hai (29/8/1908) chúng ta thấy các ông Phan Thúc Diên [đúng ra là Duyện], Lê Bá Thuần [đúng ra là Trinh], Nguyễn Đình Tấn, Mai Luyện, Nguyễn Nhự, Lê Xuân Lượng đều bị kết vào tội "rủ ký hợp thương", "xuất vốn buôn tương đối nhiều", hoặc "mở tiệm buôn" (Nguyễn Thế Anh, 1973). Đúng như Phan Châu Trinh nhận xét về bản án hết sức ám muội "văn tình vô lý, văn nghĩa bất thông" này: "Nhưng khốn nỗi không tìm được cứ để kết án xử tử, nên lượm lặt nào là hội buôn, hội diễn thuyết, nào là mặc đồ Tây... bày bố cho ra thành cái án" (Nguyễn Quyết Thắng, 1992).

4. Kết luận

Tư tưởng hậu dân sinh của các sỹ phu Quảng Nam đã tạo được phong trào chấn hưng thực nghiệp ở nhiều làng quê duy tân của tỉnh những năm đầu thế kỷ XX, nhất là nó có tác động to lớn không chỉ với những hoạt động thực nghiệp bình thường mà còn là sự cổ vũ cho tinh thần khởi nghiệp, tạo nên một sự thay đổi tư duy về làm ăn theo hướng "nghề hay trí xảo", "tranh khôn học khéo", phát triển những ngành nghề kinh doanh mới trên tinh thần hợp quần, không chỉ vì lợi riêng mà còn mục đích tự chủ, tự cường của cả dân tộc. Ảnh hưởng của nó không chỉ bó hẹp tại Quảng Nam mà còn lan tỏa đến nhiều địa phương khác của nước ta bấy giờ.

Chú thích:

1. Bài viết này được rút ngắn và biên tập lại từ chuyên đề cùng tên do tác giả thực hiện cho đề tài khoa học của tỉnh Quảng Nam “*Phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX: Lịch sử và gợi mở*”. Đề tài do Trường Đại học Duy Tân chủ trì, nghiệm thu năm 2018.

2. Nhiều tác giả. (1985). *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam (1858-1920)*. Quyển II. Nxb Văn học. Hà Nội. Trang 63-64.

3. Dẫn theo Huỳnh Lý, với sự cộng tác của Hoàng Ngọc Phách. (1983). *Thơ văn Phan Châu Trinh*. Nxb Văn học. Hà Nội. Trang 131.

4. Nhiều tác giả. (1976). *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900-1930)*. Nxb Văn học. Trang 250.

5. Nhiều tác giả. (1995). *Trần Quý Cáp, chí sĩ Duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Nxb Đà Nẵng. Trang 45.

6. Nhiều tác giả. (1995). *Trần Quý Cáp, chí sĩ Duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Nxb Đà Nẵng. Trang 47.

7. Xem thêm Ngô Văn Minh (2012). *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*. Nxb Đà Nẵng. Trang 111-115.

8. Theo anh Nguyễn Văn Lan cán bộ công tác tại huyện Nông Sơn thì có thể Cờ Vỹ chính là Cà Dỹ, tên một ngọn núi ở khu vực thôn Dùi Chiêng thuộc xã Phước Ninh của huyện này. Người già tại địa phương cho biết ngày xưa đồng bào dân tộc thiểu số sống ở đây. Hiện nay ở huyện Nam Giang vẫn có làng Cà Dỹ giáp với xã Phước Ninh của huyện Nông Sơn. Còn theo ông Phan Văn Phờ quê xã Sơn Yên (huyện Nông Sơn) thì sở rẫy Cờ Vỹ có thể là khu vực Nà Lau, qua khỏi Dùi Chiêng, Tý, Sé là đến. Nơi đây đất màu mỡ và xưa kia đúng là chốn rừng thiêng nước độc. Nà Lau nay thuộc xã Quế Lâm của huyện Nông Sơn, giáp với xã Phước Ninh.

9. Ban sưu tầm Lịch sử Đảng, Đảng bộ Hòa Vang. (1995). *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hòa Vang 1928 – 1954*. Nxb Đà Nẵng. Trang 29.

10. Ghi theo lời kể của bà Nguyễn Thị Cúc ở thôn 3 xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước (1986).

11. Theo lời của các ông Lê Niên, Lê Ngọc ở thôn 5 xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước kể cho tác giả bài viết này vào những năm 1984 - 1985.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Duy Xuyên. (1996). *Lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Duy Xuyên dưới sự lãnh đạo của Đảng*. Tập I (1930 - 1954). In tại Xí nghiệp In Quốc doanh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện Quế Sơn. (1999). *Lịch sử phong trào nông dân và Hội nông dân Việt Nam huyện Quế Sơn 1930 - 1995*. Nxb Đà Nẵng.

Ban sưu tầm Lịch sử Đảng, Đảng bộ Hòa Vang. (1995) *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hòa Vang 1928 – 1954*. Nxb Đà Nẵng. Trang 29.

- Báo Tiếng Dân, số 7 (31/8/1927), số 514 (20/8/1932).
- Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Đại Lộc. (1990). *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Đại Lộc*. Tập I (1930 - 1954). In tại Xí nghiệp in Báo Quảng Nam – Đà Nẵng.
- Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Quế Sơn. (1985). *Lịch sử Đảng bộ huyện Quế Sơn 1930 - 1945*. Nxb Đà Nẵng. Trang 38.
- Đảng bộ huyện Hòa Vang. (1985). *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hòa Vang (1928 - 1954)*. Nxb Đà Nẵng.
- Đảng ủy xã Hòa Phong. (1996). *Hòa Phong – Lịch sử đấu tranh cách mạng 1930 - 1954* (Sơ thảo). Đảng ủy xã Hòa Phong xuất bản.
- Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập*. Tập 3 (1930 - 1945). Nxb Chính trị Quốc gia.
- Huỳnh Lý. (1992). *Phan Châu Trinh, thân thế và sự nghiệp*. Nxb Đà Nẵng.
- Huỳnh Lý (1983). *Thơ văn Phan Châu Trinh*. Nxb Văn học.
- Huỳnh Thúc Kháng. (1963). *Tự truyện*. Anh Minh dịch và xuất bản.
- Lâm Quang Thự. (1974). *Quảng Nam - Địa lý, lịch sử, nhân vật*. Ban Liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa xuất bản.
- Lê Thị Kinh. (2001). *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Quyển 1. Tập 1. Nxb Đà Nẵng.
- Mính viên Huỳnh Thúc Kháng. (1959). *Phan Tây hồ tiên sinh lịch sử*. Anh Minh xuất bản.
- Ngô Văn Minh. (2012). *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*. Nxb Đà Nẵng.
- Nguyễn Hiến Lê. (2002). *Đông Kinh nghĩa thực*. Nxb Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn Quyết Thắng. (1992). *Phan Châu Trinh, cuộc đời và tác phẩm*. Nxb TPHCM.
- Nguyễn Thế Anh. (1973). *Phong trào chống thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân*. Tủ sách Sử học. Bộ Văn hóa giáo dục và Thanh niên.
- Nguyễn Văn Xuân. (1995). *Phong trào Duy tân*. Nxb Đà Nẵng.
- Nguyễn Văn Xuân, Đàm Văn Chí, Nguyễn Q. Thắng, Võ Đạt. (1997). *Phan Thúc Duyện trong phong trào Duy tân Việt Nam*. Nxb Văn hóa.
- Nhiều tác giả. (1976). *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900-1930)*. Nxb Văn học.
- Nhiều tác giả. (1985). *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam (1858-1920)*. Quyển II. Nxb Văn học. Hà Nội.
- Nhiều tác giả. (1995). *Trần Quý Cáp, chí sĩ Duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Nxb Đà Nẵng.
- Nhiều tác giả. (2012). *Trần Quý Cáp. Ngàn năm gương sáng*. Nxb Văn học.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1994). *Minh Mệnh chính yếu*. Tập II. Nxb Thuận Hóa.
- Trần Ngọc Chương. (1980). *Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân huyện Tiên Phước (sơ thảo)*. Tài liệu đánh máy.